

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VĂN PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103 /VP-XD2

Hải Phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2024

V/v thực hiện các Thông tư
của Bộ Công Thương

Kính gửi: Sở Công Thương.

Ủy ban nhân dân thành phố nhận được các Thông tư của Bộ Công Thương: số 39/2023/TT-BCT ngày 27/12/2023 quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuộc lá nguyên liệu năm 2024; số 41/2023/TT-BCT ngày 28/12/2023 ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; số 42/2023/TT-BCT ngày 28/12/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại; số 43/2023/TT-BCT ngày 28/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá (gửi kèm),

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hoàng Minh Cường có ý kiến như sau:

Giao Sở Công Thương căn cứ các Thông tư hướng dẫn nêu trên của Bộ Công Thương, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. Trường hợp vượt thẩm quyền, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện.//

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Hoàng Minh Cường;
- CVP UBND TP;
- Các phòng: XDGT&CT, NC&KTGS;
- CV: CT;
- Lưu: VT, XD2.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Ngọc Tú



Số: 39/2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2024

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG		
Số: 7825.....		
ĐẾN Ngày: 29/12/2023.....		
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng		X
PCT TT L.A.Quân		
PCT L.K.Nam		
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường	X	
CVP N.N.Tú		
PCVP T.H.Kiên		
PCVP T.V.Thiện		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGCT		
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSD		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2024.

Điều 1. Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2024

Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu (mã HS 2401) năm 2024 là 71.835 tấn.

Điều 2. Phương thức điều hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu được thực hiện phân giao theo phương thức quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

Điều 3. Đối tượng phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu

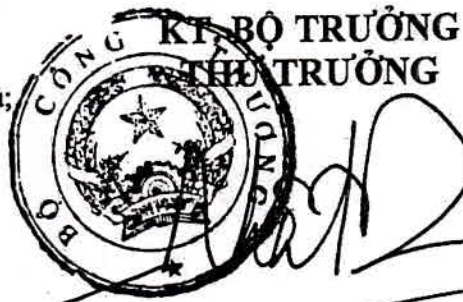
Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu được phân giao cho các thương nhân có giấy phép sản xuất thuốc lá điều do Bộ Công Thương cấp và có nhu cầu sử dụng thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất thuốc lá điều.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. /.

Nơi nhận: 14

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương và các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, XNK(5), hangh.



Nguyễn Sinh Nhật Tân





Số: 4 1/2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: 7824.....

Ngày: 29/12/2023.....

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM QUAN
CT N.V.Tùng	Chính phủ	
PCT TT L.A.Quân	Công Thương	
PCT L.K.Nam		
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường	X	
CVP N.N.Tú	Chính phủ	
PCVP T.H.Kiên		
PCVP T.V.Thiện		
PCVP P.A.Tuấn	Chính phủ	
PCVP P.H.Hoàng	1 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật	
P. XDGTCT	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;	
P. VX		
P. NNTNMT	Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của	
P. TCNS	Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh	
P. NC&KTGS	doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số	
P. TH	quy định về kiểm tra chuyên ngành;	
P. KSTTHC		
VP BCSĐ		
BAN TCD	Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 sửa đổi,	
P. HCTC	bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008	
P. QTTV	của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng	
CTTĐT	hóa, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị định số	
TTHN & NKTP	86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và	

hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư về Danh mục sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là sản phẩm, hàng hoá nhóm 2).

Chi tiết Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, mã số HS và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 quy định tại Thông tư này.
2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện các hoạt động phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 quy định tại Thông tư này.
3. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý chất lượng

Việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nêu tại Phụ lục của Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15. tháng 2. năm 2024.
2. Các Thông tư sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:
 - a) Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
 - b) Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
 - c) Thông tư số 33/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung mã số HS trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 5. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia dẫn chiếu áp dụng trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Vụ trưởng Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Hóa chất, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Handwritten signature and initials

2. Vụ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Cục Hóa chất và các cơ quan, tổ chức có liên quan trình Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo yêu cầu quản lý nhà nước phù hợp từng thời kỳ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết. / *[Signature]*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng TW và Ban của Đảng;
- Ủy ban Khoa học, công nghệ và Môi trường;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện KSND tối cao, Tòa án ND tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản QPPL);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; Vụ Pháp chế; Cục ATMT; Cục HC; Cục XNK;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

PHỤ LỤC

Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

(Kèm theo Thông tư số 41 /TT - BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/Tiêu chuẩn	Mã số HS sản phẩm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tiền chất thuốc nổ			
1.1	Amoni nitrat (NH ₄ NO ₃) dạng tinh thể dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương	QCVN 05:2015/BCT	3102.30.00	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trước khi thông quan
1.2	Amoni nitrat (NH ₄ NO ₃) dạng hạt xộp dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO	QCVN 03:2012/BCT		
1.3	Natri Nitrat (NaNO ₃) sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp	QCVN 04A:2020/BCT	2834.29.90	
1.4	Natri Clorat (NaClO ₃) sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp		2829.11.00	
1.5	Kali Nitrat (KNO ₃) sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp		2834.21.00	
1.6	Kali Clorat (KClO ₃) sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp		2829.19.00	
1.7	Kali Perclorat (KClO ₄) sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp		2829.90.90	
2	Vật liệu nổ công nghiệp			
2.1	Thuốc nổ amonit AD1	QCVN 07:2015/BCT	3602.00.00	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trước khi thông quan
2.2	Thuốc nổ TNP1	QCVN 12-1:2021/BCT		
2.3	Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói	QCVN 12-2:2021/BCT		
2.4	Mìn phá đá quá cỡ	QCVN 12-3:2021/BCT		
2.5	Thuốc nổ bột không có TNT dùng cho lộ thiên	QCVN 12-4:2021/BCT		
2.6	Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên	QCVN 03:2020/BCT		

[Signature]

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/Tiêu chuẩn	Mã số HS sản phẩm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.7	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên	QCVN 04:2020/BCT		Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trước khi thông quan
2.8	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng	QCVN 05:2020/BCT		
2.9	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ	QCVN 06:2020/BCT		
2.10	Thuốc nổ ANFO	QCVN 04:2012/BCT		
2.11	Thuốc nổ ANFO chịu nước	QCVN 12- 9:2022/BCT		
2.12	Môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp	QCVN 08: 2015/BCT		
2.13	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí và bụi nổ	QCVN 05:2012/BCT		
2.14	Thuốc nổ nhũ tương rời	QCVN 12- 10:2022/BCT		
2.15	Môi nổ tăng cường	QCVN 12- 11:2022/BCT		
2.16	Thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT)	QCVN 12- 12:2022/BCT		
2.17	Thuốc nổ Hexogen	QCVN 12- 13:2022/BCT		
2.18	Dây cháy chậm công nghiệp	QCVN 06: 2015/BCT	3603.10.00	
2.19	Dây dẫn tín hiệu nổ	QCVN 06: 2012/BCT	3603.20.00	
2.20	Dây nổ chịu nước	QCVN 04: 2015/BCT		
2.21	Dây nổ thường	QCVN 12- 7:2022/BCT		
2.22	Kíp nổ đốt số 8 dùng trong công nghiệp	QCVN 03: 2015/BCT	3603.40.00	
1.23	Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ	QCVN 07:2012/BCT		
1.24	Kíp nổ vi sai phi điện trên mặt dùng cho lộ thiên, mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí bụi nổ			
1.25	Kíp nổ vi sai phi điện dùng cho mỏ hầm			



STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/Tiêu chuẩn	Mã số HS sản phẩm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	lò/đường hầm không có khí bụi nổ			về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trước khi thông quan
1.26	Kíp nổ vi sai phi điện an toàn sử dụng trong mỏ hầm lò có khí Mêtan	QCVN 03:2013/BCT		
1.27	Kíp khởi nổ phi điện (cuộn dây LIL)	QCVN 12- 8:2022/BCT		
1.28	Kíp vi sai phi điện MS	QCVN 12- 5:2022/BCT		
1.29	Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP	QCVN 12- 6:2022/BCT		
1.30	Kíp nổ điện số 8	QCVN 02:2015/BCT	3603.60.00	
1.31	Kíp nổ điện vi sai			
1.32	Kíp nổ điện vi sai an toàn			

Handwritten signature and mark



Số: 42/2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ

VĂN PHÒNG UBND TP HÀI PHÒNG

ĐẾN Số: 7823..... **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT**
 Ngày: 29/12/2023.....
 Chuyển:
 Số và ký hiệu HS: **chỉ tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại**

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng		X
PCT TT L.A.Quân		
PCT L.K.Nam		
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường	X	
CVP N.N.Tú		
PCVP T.H.Kiên		
PCVP T.V.Thiện		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGTCT		
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSD		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 6 như sau:

“5. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia bên liên quan sau thời hạn nêu tại khoản 2 Điều này, Cơ quan điều tra có quyền xem xét việc chấp thuận hoặc không chấp thuận các tổ chức, cá nhân đó là bên liên quan của vụ việc trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký của bên liên quan. Trong trường hợp không chấp thuận tổ chức, cá nhân là bên liên quan, Cơ quan điều tra nêu rõ lý do.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và tên Điều 10 như sau:

“Điều 10. Phạm vi hàng hóa xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại

4. Hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước không được bán trên thị trường trong nước trong cùng điều kiện thông thường hoặc trong trường hợp bất khả kháng dẫn tới thiếu hụt nguồn cung của ngành sản xuất trong nước.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“1. Tổng thời hạn miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại không vượt quá thời hạn có hiệu lực của biện pháp phòng vệ thương mại tương ứng. Bộ Công Thương hàng năm xem xét thời hạn miễn trừ đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo một trong các trường hợp được nêu tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo điểm a khoản 1 Điều 16 của Thông tư này, thời hạn miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại không vượt quá thời hạn áp dụng của biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời đó.

3. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo điểm b khoản 1 Điều 16 của Thông tư này, thời hạn miễn trừ đối với các hồ sơ này không vượt quá 18 tháng tính từ ngày quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó hoặc đến ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

4. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại theo điểm c khoản 1 Điều 16 của Thông tư này, thời hạn miễn trừ đối với các hồ sơ này không vượt quá 18 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn trừ hoặc tính từ ngày quyết định miễn trừ có hiệu lực.

5. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ bổ sung được Cơ quan điều tra tiếp nhận theo khoản 4 Điều 16 của Thông tư này, thời hạn miễn trừ bổ sung được tính theo thời hạn miễn trừ của quyết định miễn trừ ban đầu.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Bộ Công Thương xem xét không miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại trong các trường hợp sau:

a) Việc áp dụng miễn trừ biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa đó có khả năng dẫn đến hành vi gian lận nhằm lẫn tránh việc bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại;

b) Tổ chức, cá nhân đã được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa đó bị kết luận không hợp tác hoặc hợp tác không đầy đủ theo yêu cầu của đoàn thanh tra, kiểm tra sau miễn trừ của cơ quan điều tra.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Cơ quan điều tra thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ miễn trừ tại các thời điểm sau:

a) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời;

b) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chính thức;

c) Ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9 hàng năm.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Định kỳ 06 tháng trong thời hạn miễn trừ, tổ chức, cá nhân được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại phải nộp báo cáo tình hình nhập khẩu và sử dụng hàng hóa được miễn trừ và việc tuân thủ điều kiện, nghĩa vụ được miễn trừ tới Cơ quan điều tra theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Kiểm tra sau miễn trừ nhằm mục đích xác minh, thẩm định việc tuân thủ của tổ chức, cá nhân đối với các điều kiện, quy định pháp luật về miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 26 như sau:

“c) Tổ chức, cá nhân không thực hiện nghĩa vụ báo cáo định kỳ theo Điều 20 Thông tư này.”

Điều 2. Bãi bỏ một số khoản tại Điều 10 của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại

Bãi bỏ khoản 5, khoản 6 Điều 10.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **16** tháng **02** năm 2024.

2. Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đã được tiếp nhận hoặc đã ban hành quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2019/TT-BCT.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để nghiên cứu giải quyết. / *q*

Nơi nhận: *m*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương;
- Các Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PVTM (5). TuanTA (25). *K*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



hạt
Nguyễn Sinh Nhật Tân

quang

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **43**/2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày **29** tháng **12** năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá

VĂN PHÒNG UBND TP. HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: **7843**.....
Ngày: **30/12/2023**.....
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng		
PCT TT L.A.Quân		
PCT L.K.Nam		
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường	X	
CVP N.N.Tú	X	
PCVP T.H.Kiên		
PCVP T.V.Thiện		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGTCT	X	
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSD		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

Căn cứ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp và Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

(Chữ ký và dấu)

Điều 1. Sửa đổi khoản 1, khoản 9 Điều 13 của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá

1. Khoản 1 Điều 13 được sửa đổi như sau:

“1. Định kỳ 06 (sáu) tháng, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, nhập khẩu thuốc lá phải gửi báo cáo về Bộ Công Thương về hoạt động sản xuất sản phẩm thuốc lá và nhập khẩu sản phẩm thuốc lá (trước ngày 10 tháng 01 hàng năm đối với báo cáo cả năm và trước ngày 10 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng đầu năm) theo mẫu Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này.”

2. Khoản 9 Điều 13 được sửa đổi như sau:

“9. Định kỳ 06 (sáu) tháng Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá phải gửi báo cáo thống kê sản lượng, loại sản phẩm thuốc lá kinh doanh (theo hệ thống phân phối, bán buôn, bán lẻ) của đơn vị mình về Vụ Thị trường trong nước - Bộ Công Thương và Sở Công Thương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (trước ngày 10 tháng 01 hàng năm đối với báo cáo cả năm và trước ngày 10 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng đầu năm) theo mẫu Phụ lục 8 và 9 kèm theo Thông tư này.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 21 của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá như sau:

1. Sửa đổi điểm a, b, Khoản 1 như sau:

“a) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

b) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ cho ý kiến trước khi trả lời doanh nghiệp đối với các thủ tục hành chính: Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá; Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá.”

2. Bổ sung điểm d khoản 1 như sau:



“d) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, giám sát, thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về chủ trương đối với các hoạt động khác liên quan đến kinh doanh thuốc lá theo quy định.”

Điều 3. Mẫu đơn đề nghị nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá; nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

1. Doanh nghiệp nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này về Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương.

2. Doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này về Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương.

3. Doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này về Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương.

4. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này về Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương.

5. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này về Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương.

6. Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước gửi đơn đăng ký theo mẫu Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này về Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương.

Điều 4. Mẫu văn bản trả lời nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá; nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá; nhập



khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

Mẫu văn bản trả lời về nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại; đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá; nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá; nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước theo mẫu Phụ lục 10, 11, 12, 13, 14, 15 kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Danh mục chi tiết theo mã HS đối với nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá

Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục 16 - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá.

Điều 6. Bãi bỏ một số Phụ lục kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương như sau:

1. Bãi bỏ Phụ lục IV - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Bãi bỏ Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 59, Phụ lục 67, Phụ lục 68 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp



1. Trường hợp đã tiếp nhận hồ sơ đối với các thủ tục hành chính quy định tại Điều 2 của Thông tư này trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

2. Đối với các văn bản phê duyệt, chấp thuận đối với các thủ tục hành chính quy định tại Điều 2 của Thông tư này trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì vẫn có hiệu lực cho đến hết thời hạn của văn bản.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 02 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc về Bộ Công Thương để Bộ Công Thương giải quyết và xem xét điều chỉnh Thông tư theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Trung ương & các ban của Đảng;
- Các Lãnh đạo Bộ; đơn vị thuộc Bộ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng BCĐ phòng chống tham nhũng;
- Các Sở Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Tổng cục Hải quan;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, CN (10b).

K.T BỘ TRƯỞNG

PHỤ TRƯỞNG



Phan Thị Thắng

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THUỐC LÁ NHĂM MỤC ĐÍCH PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....
3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
5. Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số ... ngày tháng năm
6. Đề nghị Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương chấp thuận cho... (1) được nhập khẩu thuốc lá điều/xì gà để phục vụ nghiên cứu sản xuất thử, cụ thể như sau:
 - Tên sản phẩm thuốc lá.....
 - Số lượng (bao thuốc lá quy về 20 điều/bao hoặc điều đối với xì gà). Xuất xứ.....

.....(1) xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và các quy định của pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐẦU TƯ ĐỔI MỚI THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ/ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THUỐC LÁ XUẤT KHẨU, GIA CÔNG THUỐC LÁ XUẤT KHẨU/DI CHUYỂN ĐỊA ĐIỂM THEO QUY HOẠCH/ĐẦU TƯ CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi: Cục Công nghiệp – Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....
3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
5. Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá/Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số ... ngày tháng năm
6. Đề nghị Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương chấp thuận cho... (1) được đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ/đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu/di chuyển địa điểm theo quy hoạch/đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá, cụ thể như sau:
 - Tên dự án, địa điểm hoạt động của dự án;
 - Thông số kỹ thuật chủ yếu có liên quan, quy mô, sản lượng sản xuất;
 - Hiệu quả của dự án
 - Phương án xử lý các máy móc thiết bị được thay thế (nếu đầu tư thay thế);

.....(1) xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và các quy định của pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư số ~~4~~ **3**/2023/TT-BCT ngày ~~27~~ **12** tháng ~~12~~ **12** năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH THUỐC LÁ

Kính gửi: Cục Công nghiệp – Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....
3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
5. Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá/Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá số ... ngày tháng năm
6. Đề nghị Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương chấp thuận cho... (1) được nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá, cụ thể như sau:
 - Tên máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá: Số lượng: Năm sản xuất: Xuất xứ: Tình trạng máy móc thiết bị: Năng lực máy móc, thiết bị: triệu bao/năm/ ... tấn nguyên liệu/năm. Mục đích sử dụng: sản xuất tiêu thụ trong nước/sản xuất xuất khẩu.
 - Văn bản đồng ý chủ trương đầu tư, dự án và các văn bản phê duyệt liên quan (nếu có)
 - Hiệu quả sử dụng máy móc, thiết bị nhập khẩu:
 - Sự phù hợp với năng lực sản xuất của ...(1) đã được Bộ Công Thương công bố:
 - Phương án xử lý các máy móc thiết bị được thay thế/điều chuyển (nếu có):
 - Năng lực máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá phục vụ sản xuất tiêu thụ trong nước trước khi đầu tư:triệu bao/năm/ ... tấn nguyên liệu/năm.
 - Năng lực máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá phục vụ sản xuất tiêu thụ trong nước sau khi đầu tư: ... triệu bao/năm/ ... tấn nguyên liệu/năm.

.....(1) xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan, Thông tư số ~~4~~ **3**/2023/TT-BCT ngày ~~27~~ **12** tháng ~~12~~ **12** năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ



Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và các quy định của pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu

Handwritten signature and a rectangular stamp, likely an official seal or verification mark.

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày ²⁸ tháng ¹² năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ ĐỂ CHẾ BIẾN NGUYÊN
LIỆU THUỐC LÁ XUẤT KHẨU HOẶC GIA CÔNG CHẾ BIẾN NGUYÊN LIỆU
THUỐC LÁ XUẤT KHẨU**

Kính gửi: Cục Công nghiệp – Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....
 2. Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
 3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax.....
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm.....
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
 5. Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép... số...ngày.....tháng.....năm....
 6. Đề nghị Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương chấp thuận cho Công ty được nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để thực hiện hợp đồng sản xuất/gia công chế biến tách cọng/thái sợi thuốc lá xuất khẩu cho đối tác nước ngoài, cụ thể như sau:
 - Số hợp đồng.....ngày.....tháng.....năm....
 - Tên đối tác.....
 - Nội dung thực hiện sản xuất/gia công chế biến tách cọng/thái sợi thuốc lá xuất khẩu. Số lượng....., xuất xứ.....Thời hạn thực hiện hợp đồng.....
-(1) xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan, Thông tư số ⁴³2023/TT-BCT ngày ²⁸ tháng ¹² năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và các quy định của pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu.

PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Thông tư số ~~43~~ 2023/TT-BCT ngày ~~28~~ tháng ~~12~~ năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-... .., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ, GIẤY CUỐN ĐIỀU THUỐC LÁ ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ XUẤT KHẨU HOẶC GIA CÔNG XUẤT KHẨU SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Cục Công nghiệp – Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....
3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
5. Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép... số.....ngày.....tháng.....năm....
6. Đề nghị Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương chấp thuận cho Công ty được nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để thực hiện hợp đồng sản xuất xuất khẩu (hoặc gia công xuất khẩu) sản phẩm thuốc lá cho đối tác nước ngoài, cụ thể như sau:
 - Số hợp đồng.....ngày.....tháng.....năm.... Thời hạn thực hiện hợp đồng.....
 - Tên đối tác.....
 - Nội dung thực hiện..... (2)
 - Số lượng....., xuất xứ.....
 - Tên sản phẩm thuốc lá.....Số lượng.....

.....(1) xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan, Thông tư số ~~43~~ 2023/TT-BCT ngày ~~28~~ tháng ~~12~~ năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và các quy định của pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.



Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu;
- (2): Hình thức sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu

Handwritten signature and a circular stamp, likely an official seal or signature of the legal representative.

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo Thông tư số **43**/2023/TT-BCT ngày **28** tháng **12** năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐĐN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ, GIẤY CUỐN ĐIỀU THUỐC LÁ ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC

Kính gửi: Cục Công nghiệp – Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....
3. Địa điểm sản xuất.....Điện thoại.....Fax.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
5. Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép... số...ngày.....tháng.....năm....
6. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo
7. Tình hình sử dụng nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá trong nước và nhập khẩu để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước trong năm
8. Đăng ký nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá và giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

STT	Khoản mục	Đăng ký năm 20...(1) (tấn)	Số lượng được cấp năm 20...(2) (tấn)	Ước thực hiện nhập khẩu năm 20...(3) (tấn)	Đăng ký nhập khẩu năm 20...(4) (tấn)
I	Nguyên liệu thuốc lá				
1	Nguyên liệu lá thuốc lá				
2	Nguyên liệu sợi thuốc lá				
3	Nguyên liệu thuốc lá tẩm				
4	Nguyên liệu cộng thuốc lá				



II	Giấy cuốn điều thuốc lá				
----	-------------------------	--	--	--	--

9. Kế hoạch sử dụng nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá trong nước và nhập khẩu để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước năm tiếp theo

.....(5) xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan, Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và các quy định của pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Số lượng đăng ký của năm trước;
- (2): Số lượng được cấp năm trước;
- (3): Ước thực hiện nhập khẩu của năm báo cáo;
- (4): Đăng ký nhu cầu nhập khẩu năm sau;
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu.

PHỤ LỤC 7

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày ²⁸ tháng ¹² năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỐC LÁ

(6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm)

Kính gửi: - Bộ Công Thương.

TÊN DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ:

Đã được Bộ Công Thương cấp Giấy phép ... số ... ngày ... tháng ... năm ...

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

ĐVT: 1.000 VND; Triệu bao

Số TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng						Đơn giá (đã có thuế TTĐB) chưa VAT	Doanh thu
			Số lượng tồn đầu kỳ	Số lượng sản xuất trong kỳ	Số lượng nhập khẩu trong kỳ	Số lượng tồn cuối kỳ	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Số lượng xuất khẩu trong kỳ		
1	Sản phẩm A									
2	Sản phẩm B									
...	Sản phẩm...									

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập báo cáo
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- Đối với sản lượng xuất khẩu thì dòng "thuế suất" thuế TTĐB không ghi.

- Đơn vị báo cáo lập Báo cáo trong file EXCEL và gửi file mềm qua thư điện tử cho đơn vị nhận báo cáo để tổng hợp.



PHỤ LỤC 8

(Kèm theo Thông tư số ~~4~~³ 2023/TT-BCT ngày ~~28~~²⁷ tháng ~~12~~¹¹ năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN NHÀ CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

(6 tháng đầu năm(hoặc 6 tháng cuối năm.....); cả năm)

Kính gửi: Vụ Thị trường trong nước - Bộ Công Thương;

Sở Công Thương(nơi doanh nghiệp đặt trụ sở).

TÊN NHÀ CUNG CẤP:

Đã được Bộ Công Thương/Sở Công Thương cấp Giấy phép ... số ... ngày ... tháng ... năm ...

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

STT	Tên thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá	Trụ sở chính	Địa bàn bán	TL không đầu lọc		TL đầu lọc bao mềm		TL đầu lọc bao cứng		Tổng cộng	
				Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)
I. THƯƠNG NHÂN PHÂN PHỐI SẢN PHẨM THUỐC LÁ											
1											
2											
...											
	CỘNG MỤC (I)										
II. THƯƠNG NHÂN BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ											
1											
2											
...											
	CỘNG MỤC (II)										
III. THƯƠNG NHÂN BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ											



1											
2											
...											
	CỘNG MỤC (III)										
	TỔNG CỘNG MỤC (I) + (II) + (III)										

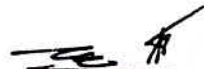
IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....
.....

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 9

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương)

TÊN NHÀ CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BÁN HÀNG THEO NHÃN HIỆU SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(6 tháng đầu năm (hoặc 6 tháng cuối năm.....) ; cả năm)

Kính gửi: Vụ Thị trường trong nước - Bộ Công Thương;

Sở Công Thương(nơi doanh nghiệp đặt trụ sở).

TÊN NHÀ CUNG CẤP:

Đã được Bộ Công Thương/Sở Công Thương cấp Giấy phép ... số ... ngày ... tháng ... năm ...

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

STT	Nhãn hiệu sản phẩm thuốc lá	TL không đầu lọc		TL đầu lọc bao mềm		TL đầu lọc bao cứng		Tổng cộng	
		Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)	Số lượng (1000 bao)	Trị giá (1000 VNĐ)
I. Nhãn quốc tế									
1									
2									
3									
II. Nhãn trong nước									
1									
2									
3									
	TỔNG CỘNG								

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

Handwritten signature and a circular stamp, likely a company seal, located at the bottom right of the page.

PHỤ LỤC 10

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

V/v nhập khẩu thuốc lá nhằm mục
đích phi thương mại

Kính gửi: Công ty(1)

Ngày ...(2)..., Cục Công nghiệp nhận được Đơn đề nghị số ...(3)... ngày ...(4)... của Công ty ...(1)... về việc nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại. Về việc này, Cục Công nghiệp có ý kiến như sau:

.....(5).....

Nơi nhận:

- (1);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTTrg (để b/c);
- Tổng cục Hải Quan;
- Lưu: VT, CN.

CỤC TRƯỞNG

- (1): Công ty đề nghị nhập khẩu;
 (2): Ngày nhận được Đơn đề nghị của doanh nghiệp;
 (3): Số Đơn đề nghị;
 (4): Ngày Đơn đề nghị;
 (5): Ý kiến của Cục Công nghiệp./.

PHỤ LỤC 11

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày ¹⁸ tháng ¹² năm 2023 của Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

V/v đầu tư đổi mới thiết bị, công
nghệ/đầu tư sản xuất thuốc lá xuất
khẩu, gia công thuốc lá xuất
khẩu/di chuyển địa điểm theo quy
hoạch/đầu tư chế biến nguyên liệu
thuốc lá

Kính gửi: Công ty(1)

Ngày ...(2)..., Cục Công nghiệp nhận được Đơn đề nghị số ...(3)... ngày ...(4)... của Công ty ...(1)... về việc đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ/đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu/di chuyển địa điểm theo quy hoạch/đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá. Về việc này, Cục Công nghiệp có ý kiến như sau:

.....(5).....

Nơi nhận:

- (1);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTrg (để b/c);
- Tổng cục Hải Quan;
- Lưu: VT, CN.

CỤC TRƯỞNG

- (1): Công ty đề nghị nhập khẩu;
- (2): Ngày nhận được Đơn đề nghị của doanh nghiệp;
- (3): Số Đơn đề nghị;
- (4): Ngày Đơn đề nghị;
- (5): Ý kiến của Cục Công nghiệp./.

PHỤ LỤC 12

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

V/v nhập khẩu máy móc, thiết
bị chuyên ngành thuốc lá

Kính gửi: Công ty(1)

Ngày ...(2)..., Cục Công nghiệp nhận được Đơn đề nghị số ...(3)... ngày ...(4)... của Công ty ...(1)... về việc nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá. Về việc này, Cục Công nghiệp có ý kiến như sau:

.....(5).....

Nơi nhận:

- (1);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTrg (để b/c);
- Tổng cục Hải quan;
- Sở Công Thương tỉnh ...(6)....;
- Lưu: VT, CN.

CỤC TRƯỞNG

- (1): Công ty đề nghị nhập khẩu;
- (2): Ngày nhận được Đơn đề nghị của doanh nghiệp;
- (3): Số Đơn đề nghị;
- (4): Ngày Đơn đề nghị;
- (5): Ý kiến của Cục Công nghiệp;
- (6): Nơi doanh nghiệp được cấp Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận doanh nghiệp./.



PHỤ LỤC 13

(Kèm theo Thông tư số **3**/2023/TT-BCT ngày **28** tháng **12** năm 2023 của Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

V/v hập khẩu nguyên liệu thuốc
lá để sản xuất/gia công nguyên
liệu thuốc lá xuất khẩu

Kính gửi: Công ty(1)

Ngày ...(2)...., Cục Công nghiệp nhận được Đơn đề nghị số ...(3)... ngày ...(4)... của Công ty ...(1)... về việc nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để sản xuất/gia công nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu. Về việc này, Cục Công nghiệp có ý kiến như sau:

.....(5).....

Nơi nhận:

CỤC TRƯỞNG

- (1);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTTrg (để b/c);
- Tổng cục Hải quan;
- Sở Công Thương tỉnh ...(6)....;
- Lưu: VT, CN.

- (1): Công ty đề nghị nhập khẩu;
- (2): Ngày nhận được Đơn đề nghị của doanh nghiệp;
- (3): Số Đơn đề nghị;
- (4): Ngày Đơn đề nghị;
- (5): Ý kiến của Cục Công nghiệp;
- (6): Nơi doanh nghiệp được cấp Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận doanh nghiệp./.

PHỤ LỤC 14

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày ²⁹ tháng ¹² năm 2023 của Bộ Công Thương)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

V/v nhập khẩu nguyên liệu
thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá
để sản xuất/gia công sản phẩm
thuốc lá xuất khẩu

Kính gửi: Công ty(1)

Ngày ...(2)..., Cục Công nghiệp nhận được Đơn đề nghị số ...(3)... ngày ...(4)... của Công ty ...(1)... về việc nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất/gia công sản phẩm thuốc lá xuất khẩu. Về việc này, Cục Công nghiệp có ý kiến như sau:

.....(5).....

Nơi nhận:

- (1);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTrg (để b/c);
- Tổng cục Hải quan;
- Sở Công Thương tỉnh ...(6)....;
- Lưu: VT, CN.

CỤC TRƯỞNG

- (1): Công ty đề nghị nhập khẩu;
- (2): Ngày nhận được Đơn đề nghị của doanh nghiệp;
- (3): Số Đơn đề nghị;
- (4): Ngày Đơn đề nghị;
- (5): Ý kiến của Cục Công nghiệp;
- (6): Nơi doanh nghiệp được cấp Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận doanh nghiệp./.



PHỤ LỤC 15

(Kèm theo Thông tư số ⁴³.../2023/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương)

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN-...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

V/v việc nhập khẩu nguyên liệu
thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá
để sản xuất sản phẩm thuốc lá
tiêu thụ trong nước

Kính gửi: Công ty(1)

Ngày ...(2)..., Cục Công nghiệp nhận được Đơn đề nghị số ...(3)... ngày ...(4)... của Công ty ...(1)... về việc nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước. Về việc này, Cục Công nghiệp có ý kiến như sau:

.....(5).....

Nơi nhận:

- (1);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTrg (để b/c);
- Tổng cục Hải quan;
- Sở Công Thương tỉnh ...(6)...;
- Lưu: VT, CN.

CỤC TRƯỞNG

- (1): Công ty đề nghị nhập khẩu;
- (2): Ngày nhận được Đơn đề nghị của doanh nghiệp;
- (3): Số Đơn đề nghị;
- (4): Ngày Đơn đề nghị;
- (5): Ý kiến của Cục Công nghiệp;
- (6): Nơi doanh nghiệp được cấp Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận doanh nghiệp./.

PHỤ LỤC 16
DANH MỤC CHI TIẾT THEO MÃ HS ĐỐI VỚI NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ,
GIẤY CUỐN ĐIỀU THUỐC LÁ

(Kèm theo Thông tư số **4.3** 2023/TT-BCT ngày **29** tháng **12** năm 2023 của Bộ Công Thương)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
24.01	Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.
2401.10	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:
2401.10.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
2401.10.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng
2401.10.40	- - Loại Burley
2401.10.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng
2401.10.90	- - Loại khác
2401.20	- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:
2401.20.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
2401.20.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng
2401.20.30	- - Loại Oriental
2401.20.40	- - Loại Burley
2401.20.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
2401.20.90	- - Loại khác
2401.30	- Phế liệu lá thuốc lá:
2401.30.10	- - Cọng thuốc lá
2401.30.90	- - Loại khác
24.03	Lá thuốc lá đã chế biến khác và các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến; thuốc lá “thuần nhất” hoặc thuốc lá “hoàn nguyên”; chiết xuất và tinh chất lá thuốc lá.
	- Lá thuốc lá để hút (smoking), có hoặc không chứa chất thay thế lá thuốc lá với tỷ lệ bất kỳ:
2403.19	- - Loại khác:



	- - - Đã được đóng gói để bán lẻ:
2403.19.11	- - - - Ang Hoon
2403.19.19	- - - - Loại khác
2403.19.20	- - - Lá thuốc lá đã chế biến khác để sản xuất thuốc lá điều
	- - - Loại khác:
2403.19.91	- - - - Ang Hoon
2403.19.99	- - - - Loại khác
	- Loại khác:
2403.91	- - Thuốc lá “thuần nhất” hoặc “hoàn nguyên”
2403.91.10	- - - Đã được đóng gói để bán lẻ
2403.91.90	- - - Loại khác
2403.99	- - Loại khác:
2403.99.10	- - - Chiết xuất và tinh chất lá thuốc lá
2403.99.30	- - - Các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến
2403.99.90	- - - Loại khác
48.13	Giấy cuộn điều thuốc lá, đã hoặc chưa cắt theo cỡ hoặc ở dạng tập nhỏ hoặc cuộn sẵn thành ống.
4813.20.21	- - - Giấy cuộn điều thuốc lá (Tobacco wrapping paper) không phủ, dạng cuộn với chiều rộng không quá 5cm
4813.20.29	- - - Giấy cuộn điều thuốc lá (Tobacco wrapping paper) loại khác, không phủ, dạng cuộn với chiều rộng không quá 5cm
4813.20.31	- - - Giấy cuộn điều thuốc lá (Tobacco wrapping paper) đã phủ, dạng cuộn với chiều rộng không quá 5cm
4813.90.11	- - - Giấy cuộn điều thuốc lá (Tobacco wrapping paper) đã phủ, dạng cuộn với chiều rộng trên 5cm
4813.90.91	- - - Giấy cuộn điều thuốc lá (Tobacco wrapping paper) không phủ, dạng cuộn với chiều rộng trên 5cm

Ghi chú: Việc nhập khẩu thuốc lá theo hạn ngạch thuế quan được thực hiện theo các Thông tư quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu.

